

Số: **199/2024/QĐST-HNGĐ**

Mỏ Cày Nam, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 344/2024/TLST-VDS ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh **Lý Thanh H**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số nhà **, ấp **, xã PĐ, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị **Trương Thị Cẩm Th**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp AB, xã AT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản hòa giải ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và lệ phí ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Thanh H và chị Trương Thị Cẩm Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lý Thanh H và chị Trương Thị Cẩm Th thống nhất sau khi ly hôn chị Th sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lý Nhã U, sinh ngày 20/5/2019 và anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu U tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị Th, anh H, Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lý Thanh H và chị Trương Thị Cẩm Th thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lý Thanh H và chị Trương Thị Cẩm Th thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lý Thanh H, chị Trương Thị Cẩm Th, mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh H, chị Th đã nộp theo biên lai số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCN nên không phải nộp thêm.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b);
- VKSND huyện MCN ^(1b);
- Chi cục THADS huyện MCN ^(1b);
- UBND xã nơi đkkh ^(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b). TC:9b .

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang